



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ**  
**PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO**



# BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

SỐ THÁNG 1/2024



## MỤC LỤC



<b>PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI</b>	<b>1</b>
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 12/2023 và năm 2023	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	3
2. Dự báo tăng trưởng	7
<b>PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM</b>	<b>9</b>
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 12/2023 và năm 2023	9
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	9
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	10
1.1.2. Xuất nhập khẩu	11
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	12
1.1.4. Hoạt động đầu tư	12
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	13
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	14
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	14
1.2.2. Lãi suất	14
1.2.3. Tỷ giá	15
1.2.4. Chứng khoán	15
1.2.5. Lạm phát	16
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	17
2.1. Về chủ trương, chính sách	17
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	17
<b>PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO</b>	<b>19</b>
1. Thị trường dầu thô	19
2. Thị trường khí	22
3. Thị trường phân bón	24
4. Thị trường điện	26
<b>PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ</b>	<b>27</b>
<i>Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 12 năm 2023</i>	28



PHẦN I

## KINH TẾ THẾ GIỚI

### 1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 12/2023 VÀ NĂM 2023

#### 1.1. Tổng quan chung

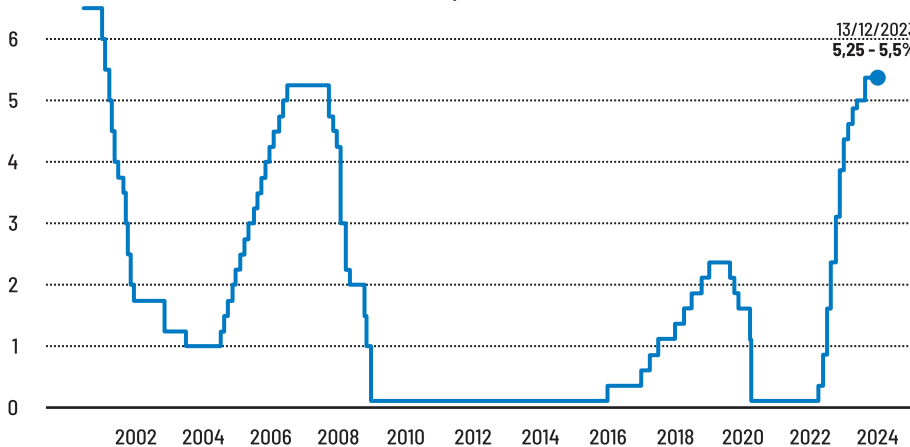
Kinh tế thế giới phục hồi nhưng chưa vững chắc, tiếp tục chịu tác động kéo dài từ các cuộc xung đột. Lạm phát mặc dù đã giảm, tuy nhiên vẫn cao hơn mức mục tiêu mà các ngân hàng trung ương đề ra.

Phần lớn các ngân hàng trung ương của những nền kinh tế lớn như đều duy trì quan điểm chính sách tiền tệ ôn hoà, giữ nguyên lãi suất trong tháng 12. Trong khi đó, tại các nền kinh tế mới nổi, việc cắt giảm lãi suất đang dần được đẩy mạnh.

Ngày 13/12, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) đã giữ nguyên lãi suất ở mức 5,25%-5,5%, mức cao nhất trong 22 năm qua và đưa ra tín hiệu cho biết giai đoạn thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ của cơ quan này có thể đã kết thúc và lãi suất sẽ giảm vào năm 2024.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT FED QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: %



Nguồn: Fed

USD giảm mạnh sau tuyên bố giữ nguyên lãi suất của Fed.

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ USD TRONG THÁNG 12

Đơn vị tính: Dollar Index

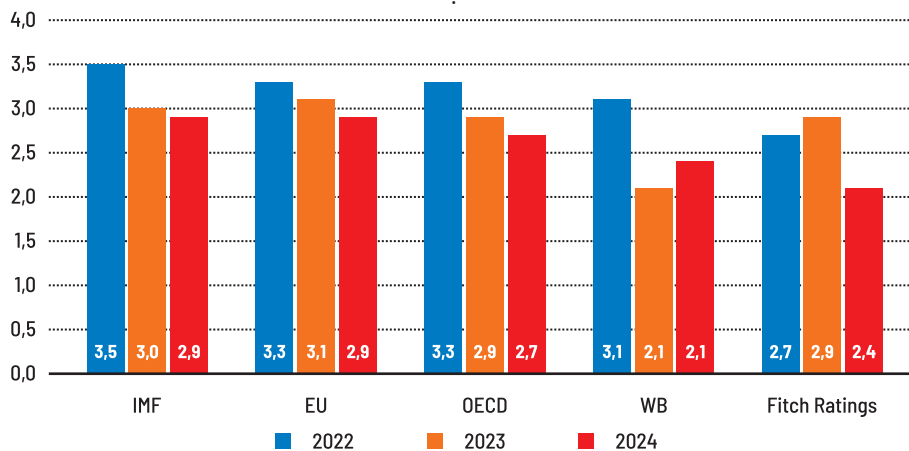


Nguồn: Trading Economics

Bên cạnh đó, căng thẳng leo thang ở Biển Đỏ đã gây tắc nghẽn các tuyến vận tải qua kênh đào Suez, cản trở hoạt động thương mại toàn cầu. Bên cạnh những khó khăn như nguy cơ chậm trễ vận chuyển hàng hóa, giá cước vận tải tăng cao... thì việc đưa các tàu đến các tuyến hàng hải thay thế có thể làm xáo trộn chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt là dầu mỏ. Sự gián đoạn vận chuyển ở Biển Đỏ càng dài, thiệt hại đối với kinh tế toàn cầu càng nghiêm trọng.

TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU NĂM 2022 VÀ DỰ BÁO CÁC NĂM 2023, 2024 CỦA CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ

Đơn vị tính: %



Nguồn: IMF, WB

Tại thời điểm cuối năm 2023, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 được các tổ chức quốc tế điều chỉnh so với dự báo trước đây nhưng hầu hết các dự báo đều thấp hơn tốc độ tăng trưởng năm 2022. Cụ thể, Liên minh châu Âu (EU) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 đạt 3,1%, điều chỉnh tăng 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 5/2023, thấp hơn mức tăng 3,3% của năm 2022; Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023 đạt 3,0%, giữ nguyên dự báo tháng 7/2023, thấp hơn mức tăng 3,5% năm 2022; Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) nhận định kinh tế toàn cầu năm 2023 tăng trưởng 2,9%, điều chỉnh giảm 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 9/2023 và thấp hơn mức tăng 3,3% năm 2022; Fitch Ratings (FR) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023 đạt 2,9%, cao hơn 0,4 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 9/2023 và cao hơn mức tăng 2,7% năm 2022; Ngân hàng Thế giới (WB) nhận định tăng trưởng toàn cầu đạt 2,1% năm 2023, giữ nguyên dự báo trong tháng 6/2023 và thấp hơn mức tăng 3,1% năm 2022.

## 1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

### ▪ Mỹ

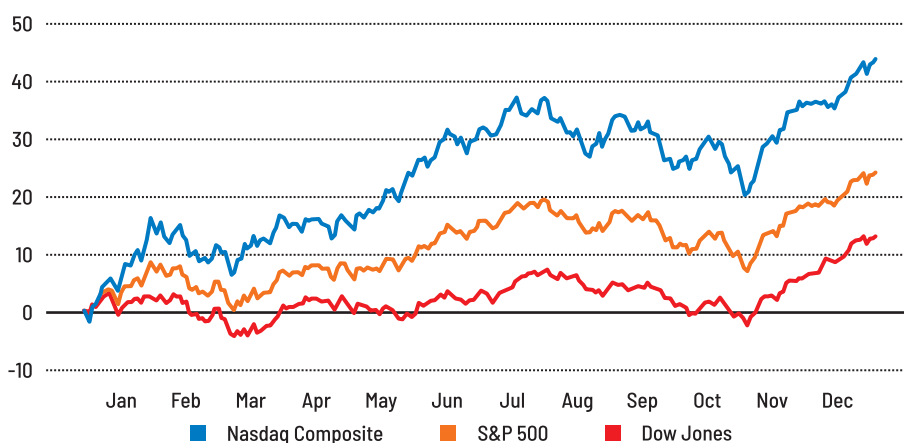
Tại Mỹ, hoạt động sản xuất, kinh doanh đã phục hồi trong tháng 12, nhờ số lượng đơn đặt hàng và nhu cầu lao động gia tăng. Bên cạnh đó, lạm phát đã và đang có chiều hướng giảm, giúp giảm bớt áp lực đối với người tiêu dùng.

Theo dữ liệu từ báo cáo của tổ chức nghiên cứu Conference Board, chỉ số niềm tin của người tiêu dùng Mỹ tháng 12 tiếp tục cải thiện, ở mức 110,7 điểm, tăng khá mạnh từ mức 101 điểm của tháng trước và đồng thời ghi nhận mức độ tích cực trong tháng thứ ba liên tiếp.

Sự lạc quan của các nhà đầu tư đang ở mức rất cao. Các chỉ số chính của thị trường chứng khoán Mỹ đều duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ trong tháng 12.

BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN MỸ TỪ ĐẦU NĂM 2023 ĐẾN HẾT PHIÊN 26/12

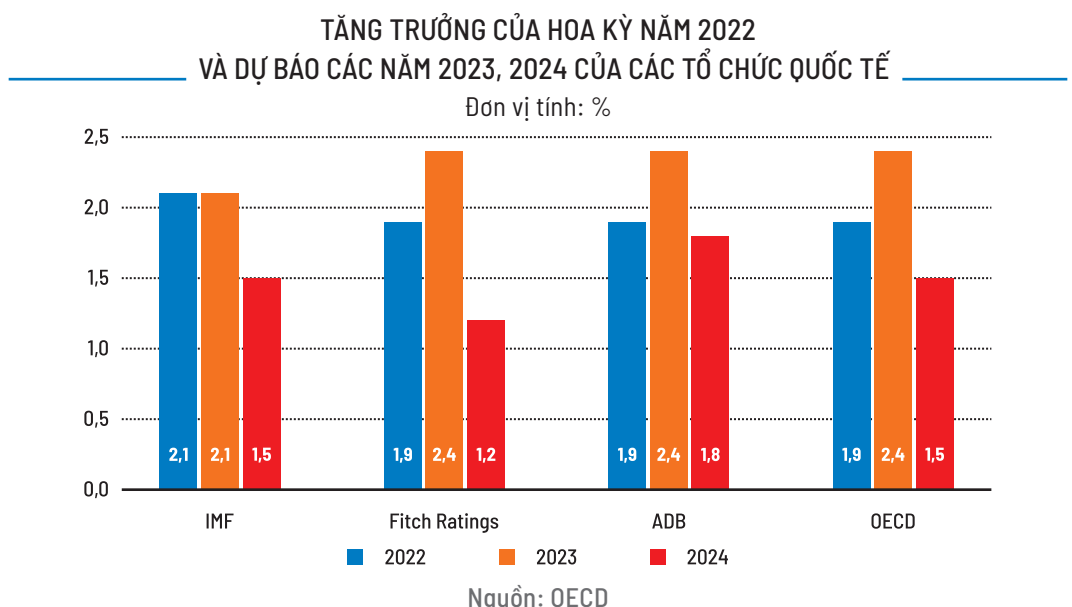
Đơn vị tính: %



Nguồn: CNBC

Cùng thời điểm này năm ngoái, hầu hết các nhà kinh tế học dự báo rằng trong năm 2023, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ phải đối mặt với một cuộc suy thoái kinh tế Mỹ trong lúc tiếp tục cuộc chiến chống lại làn sóng lạm phát mạnh nhất trong hơn 4 thập kỷ.

Nhưng trên thực tế, nền kinh tế lớn nhất thế giới năm nay đã đạt tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ hơn bất kỳ nền kinh tế lớn nào khác, tỷ lệ thất nghiệp giữ gần mức thấp kỷ lục, và áp lực giá cả cho thấy nhiều tín hiệu xuống thang, với tốc độ lạm phát cả năm đang lùi dần về ngưỡng mục tiêu 2% mà Fed đề ra. Chuỗi dữ liệu kinh tế khả quan hơn dự báo đó khiến Fed nhận định tình hình kinh tế năm 2024 sẽ diễn biến khả quan gần như 2023.



▪ **Trung Quốc**

Trong tháng 12, do ảnh hưởng từ sự suy yếu của thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán và hầu hết các loại hình đầu tư đều bị thu hẹp khiến niềm tin của người tiêu dùng vẫn chưa thể trở lại.

Mặc dù vậy, số lượng đơn hàng mới tăng nhiều nhất trong 3 tháng gần đây do tăng nhanh về doanh số bán hàng của khu vực công nghiệp chế biến chế tạo và dịch vụ. Tăng xuất khẩu dịch vụ đã bù đắp cho giảm nhu cầu của nước ngoài đối với hàng hóa sản xuất tại Trung Quốc.

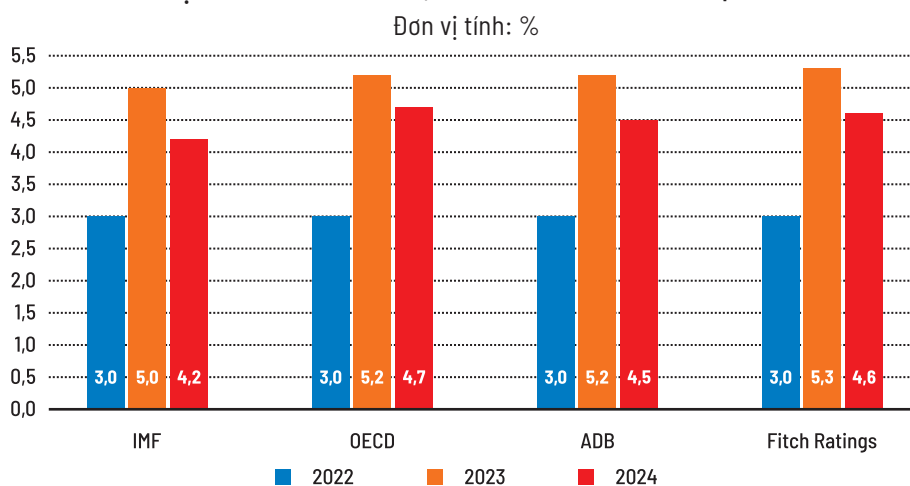
Ngày 5/12, Tổ chức đánh giá tín nhiệm Moody's đã hạ triển vọng xếp hạng A1 của Trung Quốc từ 'ổn định' xuống 'tiêu cực', cho rằng việc Chính phủ nước này hỗ trợ và có thể giải cứu các chính quyền địa phương và doanh nghiệp quốc doanh rơi vào cảnh căng thẳng nợ nần sẽ làm suy giảm sức mạnh tài khoá, kinh tế và thể chế của quốc gia.

Trước tình hình đó, Chính phủ Trung Quốc tiếp tục duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ, các ngân hàng quốc doanh lớn nhất của Trung Quốc đồng loạt giảm lãi suất tiền gửi, mở đường cho ngân hàng trung ương hạ lãi suất cho vay cơ bản để kích thích kinh tế.

Trong báo cáo Triển vọng Phát triển châu Á (ADO) tháng 12, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo nền kinh tế Trung Quốc sẽ tăng trưởng 5,2%, sau khi tiêu dùng hộ gia đình và đầu tư công đẩy mạnh tăng trưởng trong quý III.

Theo Trading Economics, GDP Quý IV/2023 của nền kinh tế Trung Quốc tăng 1,1% so với Quý III/2023 và tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2022.

TĂNG TRƯỞNG CỦA TRUNG QUỐC NĂM 2022 VÀ DỰ BÁO CÁC NĂM 2023, 2024 CỦA CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ



Nguồn: OECD

Như vậy, các tổ chức quốc tế thống nhất nhận định kinh tế Trung Quốc sau khi đạt mức tăng trưởng 3% trong năm 2022 đã tăng tốc trong năm 2023 với mức tăng trưởng đạt khoảng 5,2%, mặc dù không như kỳ vọng nhưng vẫn thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao trên thế giới. Năm 2024 dự kiến tăng trưởng của Trung Quốc sẽ đạt khoảng 4,5%, thấp hơn mức tăng trưởng của năm nay.

▪ EU

Tại khu vực châu Âu, hoạt động kinh doanh suy giảm trầm trọng hơn trong tháng 12. Thị trường việc làm tại Eu đang xấu đi đáng kể, khi các công ty không nhận thấy triển vọng cải thiện và đã tiến hành cắt giảm nhân sự trong tháng thứ hai liên tiếp.

Ngoài ra, mặc dù giá năng lượng và hàng hóa đã giảm nhưng chúng vẫn cao hơn đáng kể so với mức của 15 năm qua. Điều này kết hợp với lãi suất vẫn ở mức cao, khiến các công ty gặp nhiều khó khăn trong việc đầu tư, làm xói mòn sức mua của thu nhập khả dụng, và làm giảm nhu cầu đối với hàng tiêu dùng.

Văn phòng Thống kê Liên minh Châu Âu cho biết chỉ số niềm tin tiêu dùng tại Eu ở mức -15 điểm trong tháng 12, tăng lên từ mức -17 điểm của tháng 11 và cũng cao hơn so với mức -16 điểm theo dự báo. Đây là mức niềm tin ít bi quan nhất mà khu vực này ghi nhận kể từ sau tháng 2/2022.

Hiện nay, khu vực đồng tiền chung Euro cũng đang phải đối mặt với những thách thức từ cuộc suy thoái kỹ thuật, trong khi thương mại thế giới và các yếu tố như thắt chặt tín dụng tiếp tục gây áp lực.

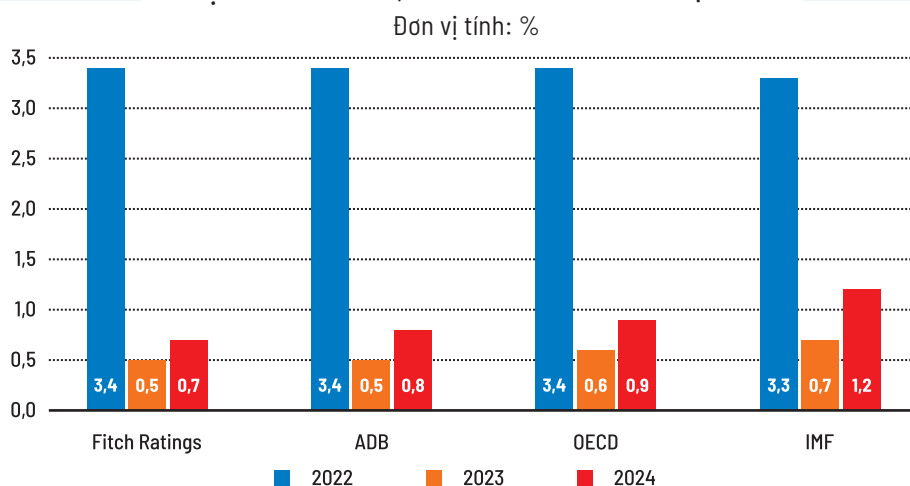
Ngày 14/12, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) lần thứ hai liên tiếp giữ nguyên lãi suất ở mức cao kỷ lục là 4%. Cơ quan này cũng hạ dự báo tăng trưởng cho khu vực và công bố kế hoạch giảm quy mô bảng cân đối kế toán.

Việc chính phủ cắt giảm các khoản trợ cấp là nguyên nhân chính dẫn tới sự tăng tốc trở lại của lạm phát ở khu vực đồng tiền chung Euro.

Trước đó, lạm phát tại khu vực sử dụng đồng tiền chung eurozone đã có 6 tháng giảm liên tiếp, về gần ngưỡng 2% mà ECB đề ra. Trong những tuần cuối của năm 2023, thị trường chứng khoán và trái phiếu châu Âu đồng loạt tăng khi nhà đầu tư tin rằng ECB sẽ bắt đầu giảm lãi suất trong mùa xuân này - tương tự như kỳ vọng của giới đầu tư chứng khoán Mỹ.

Tuy nhiên, lạm phát của eurozone trong tháng 12 được dự báo tăng lên mức 3% từ mức 2,4% trong tháng 11, chấm dứt chuỗi 6 tháng giảm.

TĂNG TRƯỞNG CỦA KHU VỰC ĐỒNG EURO NĂM 2022  
VÀ DỰ CÁC NĂM 2023, 2024 CỦA CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ



Nguồn: IMF

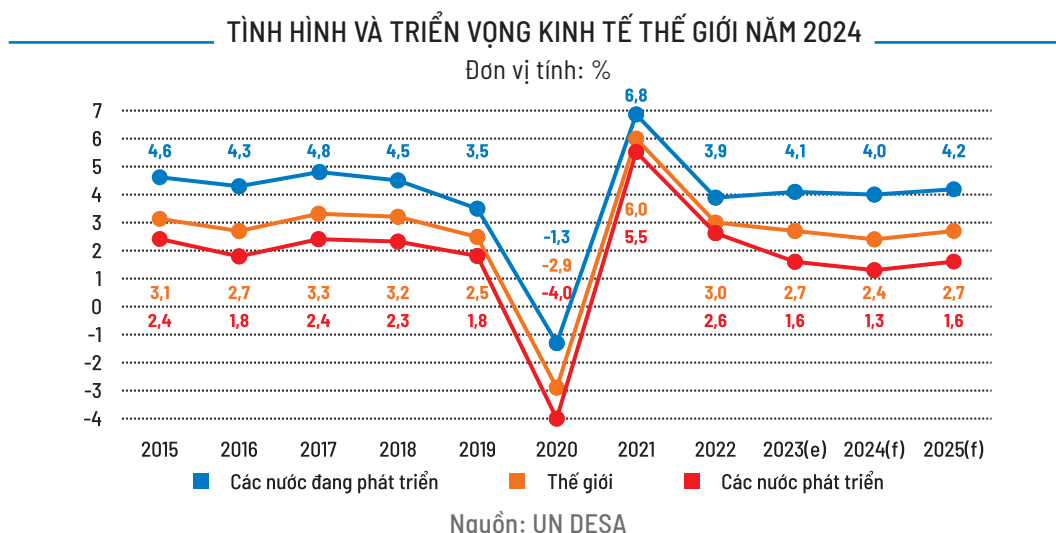


## 2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong báo cáo tháng 12, *Tổ chức các Quốc gia Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC)* dự kiến tăng trưởng kinh tế toàn cầu ở mức 2,9% trong năm 2023 và vì mức tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ này dự kiến sẽ kéo dài đến năm 2024, nên tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo là 2,6% trong năm 2024.

Ngày 24/12, *Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD)* giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2024 ở mức 2,7% còn vào năm 2025 có thể là 3%. Theo OECD, năm 2024 kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với những thách thức từ tăng trưởng yếu và lạm phát neo cao, cùng đó là chính sách tiền tệ tiếp tục được các ngân hàng trung ương thắt chặt.

Báo cáo Triển vọng và Tình hình Kinh tế Thế giới của Liên Hợp Quốc năm 2024 dự đoán tốc độ tăng trưởng toàn cầu sẽ chậm lại từ mức ước tính 2,7% vào năm 2023 xuống còn 2,4% vào năm 2024.



Dự báo đưa ra trên cơ sở các thông tin về lãi suất cao liên tục, xung đột leo thang hơn nữa, thương mại quốc tế trì trệ và thảm họa khí hậu ngày càng gia tăng, tất cả đều đặt ra những thách thức đáng kể đối với tăng trưởng toàn cầu.

Các điều kiện tín dụng chặt chẽ hơn và chi phí vay cao hơn duy trì trong thời gian dài, tạo ra những trở ngại mạnh mẽ cho nền kinh tế thế giới đang gánh nặng nợ nần và cần nhiều đầu tư hơn để vực dậy tăng trưởng, chống biến đổi khí hậu và đẩy nhanh tiến độ hướng tới các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).

Lạm phát toàn cầu được dự báo sẽ giảm hơn nữa, từ mức ước tính 5,7% vào năm 2023 xuống còn 3,9% vào năm 2024. Tuy nhiên, áp lực về giá vẫn tăng cao ở nhiều quốc gia và bất kỳ sự leo thang nào nữa của xung đột địa chính trị sẽ làm lạm phát tiếp tục tăng. Lạm phát hàng năm được dự đoán sẽ vượt quá 10% vào năm 2024 ở khoảng 1/4 các nước đang phát triển.

Có sự chậm lại đáng chú ý trong tăng trưởng đầu tư toàn cầu ở cả các nền kinh tế phát triển và đang phát triển. Tăng trưởng đầu tư toàn cầu dự kiến sẽ vẫn ở mức thấp do bất ổn kinh tế, gánh nặng nợ cao và lãi suất tăng.

Thương mại quốc tế đang mất dần vai trò là động lực tăng trưởng, với tốc độ tăng trưởng thương mại toàn cầu giảm xuống 0,6% vào năm 2023, phục hồi lên 2,4% vào năm 2024.

Các nước đang phát triển phải đối mặt với mức nợ nước ngoài cao và lãi suất tăng cao, khiến việc tiếp cận thị trường vốn quốc tế trở nên khó khăn. Có sự sụt giảm trong hỗ trợ phát triển chính thức và đầu tư trực tiếp nước ngoài cho các nước thu nhập thấp.

Sự gia tăng lãi suất toàn cầu, hậu quả của việc thắt chặt chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương như Cục Dự trữ Liên bang và Ngân hàng Trung ương Châu Âu, đã làm tăng chi phí trả nợ, đặc biệt đối với các quốc gia có khoản nợ bằng ngoại tệ. Kết quả là nhiều quốc gia đang phải vật lộn với nhu cầu tái cơ cấu nợ.

2024 phải là năm bản lề để thoát ra khỏi khủng hoảng. Bằng cách mở ra những khoản đầu tư lớn có thể thúc đẩy sự phát triển bền vững và hành động vì khí hậu, đồng thời đưa nền kinh tế toàn cầu vào con đường tăng trưởng mạnh mẽ, hơn công bằng hơn.



PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 12/2023 VÀ NĂM 2023

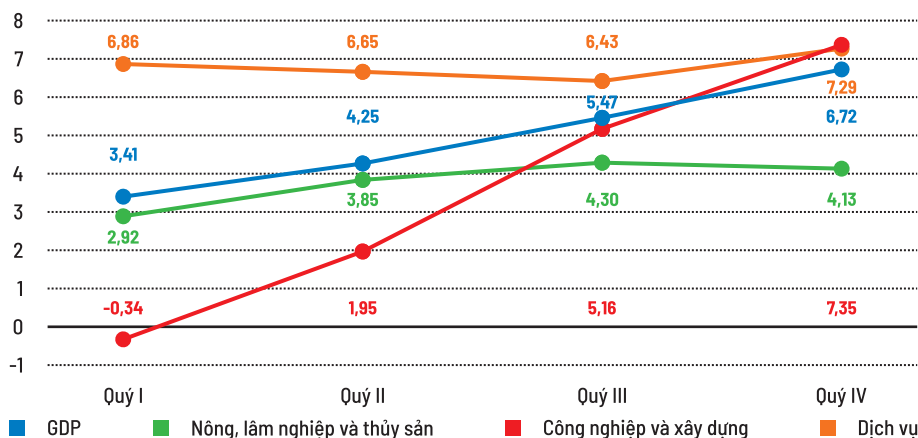
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, khó khăn nhiều hơn thuận lợi nhưng kinh tế năm 2023 của nước ta duy trì đà tăng trưởng tích cực, quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 3,41%; quý II tăng 4,25%; quý III tăng 5,47%; quý IV tăng 6,72%).

Tính chung cả năm 2023 GDP tăng 5,05% so với năm trước.

TỐC ĐỘ TĂNG GDP CÁC KHU VỰC THEO QUÝ NĂM 2023

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Nhiều tổ chức quốc tế có uy tín đánh giá cao kết quả và triển vọng của nền kinh tế nước ta và dự báo Việt Nam sẽ phục hồi nhanh trong thời gian tới. Fitch Ratings nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam lên mức BB+ (từ mức BB), với triển vọng “Ổn định”. Giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam đạt 431 tỷ USD, tăng 1 bậc lên thứ 32/100 thương hiệu quốc gia mạnh trên thế giới.

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

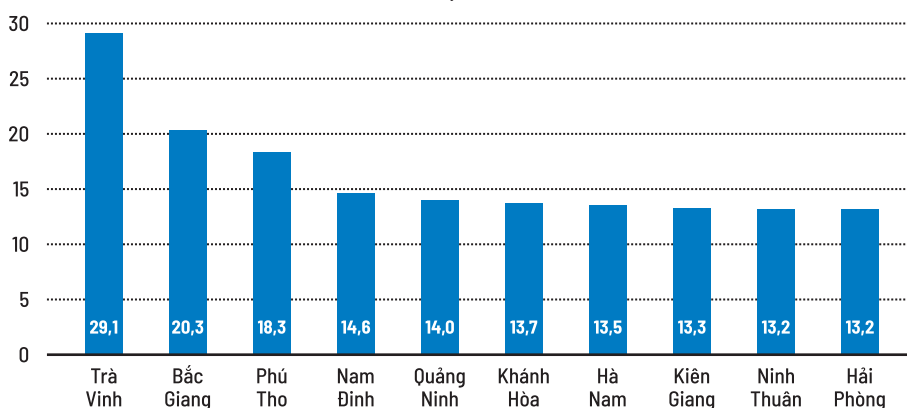
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 12 tăng 0,1% so với tháng trước và tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước. IIP cả năm tăng 1,5% so với năm 2022. IIP cả năm tăng 1,5% so với năm 2022. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp năm 2023 ước tăng 3,02% so với năm trước.

Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2023 so với năm trước tăng ở 50 địa phương và giảm ở 13 địa phương trên cả nước. Một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá cao do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao.

Ở chiều ngược lại, một số địa phương có chỉ số IIP tăng thấp hoặc giảm do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành khai khoáng và ngành sản xuất, phân phối điện tăng thấp hoặc giảm.

10 ĐỊA PHƯƠNG CÓ TỐC ĐỘ TĂNG IIP NĂM 2023 CAO NHẤT

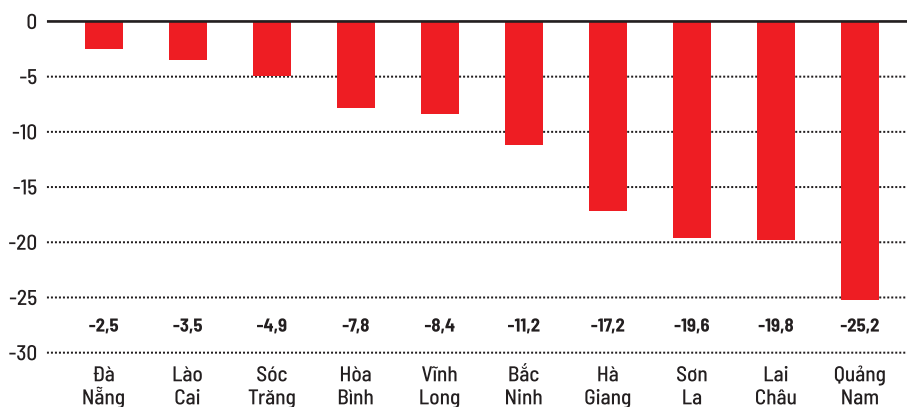
Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

10 ĐỊA PHƯƠNG CÓ CHỈ SỐ IIP NĂM 2023 GIẢM NHIỀU NHẤT

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 12, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước đạt 63,54 tỷ USD, tăng 4,7% so với tháng trước và tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% so với năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 4,4%; nhập khẩu giảm 8,9%.

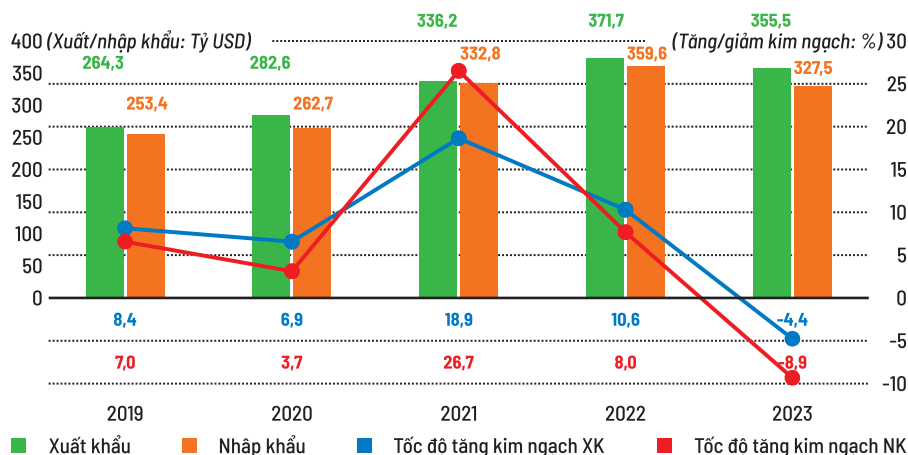
▪ **Xuất khẩu hàng hóa:**

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 12/2023 ước đạt 32,91 tỷ USD, tăng 5,7% so với tháng trước và tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý IV/2023, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 96,5 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 3,2% so với quý III năm 2023. Tính chung cả năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 355,5 tỷ USD, giảm 4,4% so với năm trước.

▪ **Nhập khẩu hàng hóa:**

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 12/2023 ước đạt 30,63 tỷ USD, tăng 3,6% so với tháng trước và tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý IV/2023, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 90,2 tỷ USD, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 6,3% so với quý III năm 2023. Tính chung cả năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 327,5 tỷ USD, giảm 8,9% so với năm trước.

KIM NGẠCH XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CÁC NĂM 2019-2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

▪ **Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2023:**

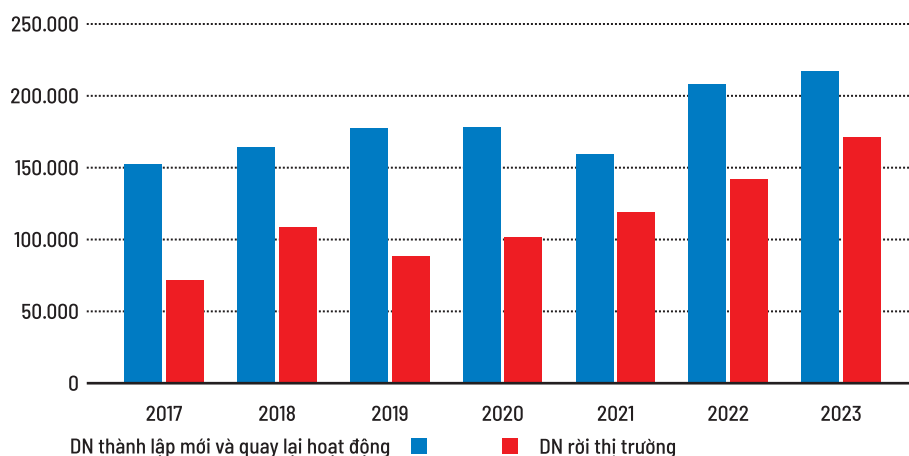
Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 96,8 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 111,6 tỷ USD.

### 1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 12, cả nước có 13 300 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, giảm 7,1% so với tháng trước và tăng 23% so với cùng kỳ năm trước; 6.393 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 2,6% và tăng 4,7%; 3.802 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giảm 15,7% và tăng 0,7%; 8.687 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 31,7% và tăng 48,6%; 1.866 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 29,3% và tăng 6%.

Tính chung trong năm 2023, cả nước có 217,7 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 4,5% so với năm trước; bình quân một tháng có 18,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

SỐ DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI, QUAY LẠI HOẠT ĐỘNG VÀ RÚT LUI KHỎI THỊ TRƯỜNG TỪ NĂM 2017 ĐẾN NĂM 2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

### 1.1.4. Hoạt động đầu tư

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2023 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 36,6 tỷ USD, tăng 32,1% so với năm trước.

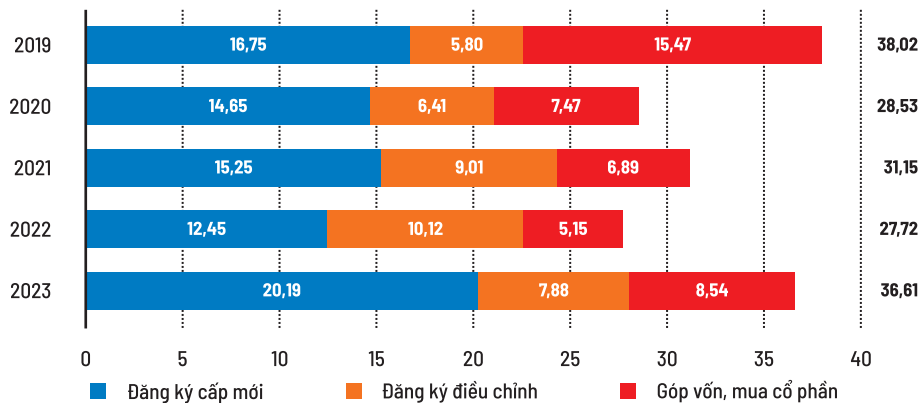
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2023 ước đạt 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua.

Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 420,9 triệu USD, giảm 21,2% so với cùng kỳ năm trước.

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 1/2024

### VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐĂNG KÝ VÀO VIỆT NAM TÍNH ĐẾN NGÀY 20/12 CÁC NĂM 2019-2023

Đơn vị tính: Tỷ USD



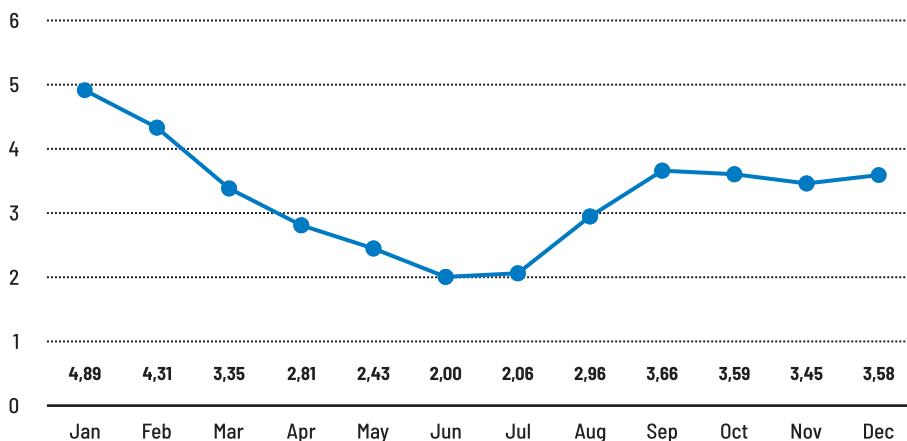
Nguồn: Tổng cục Thống kê

### 1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 tăng 0,12% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 12 tăng 3,58%.

### CPI CÁC THÁNG NĂM 2023 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Đơn vị tính: %



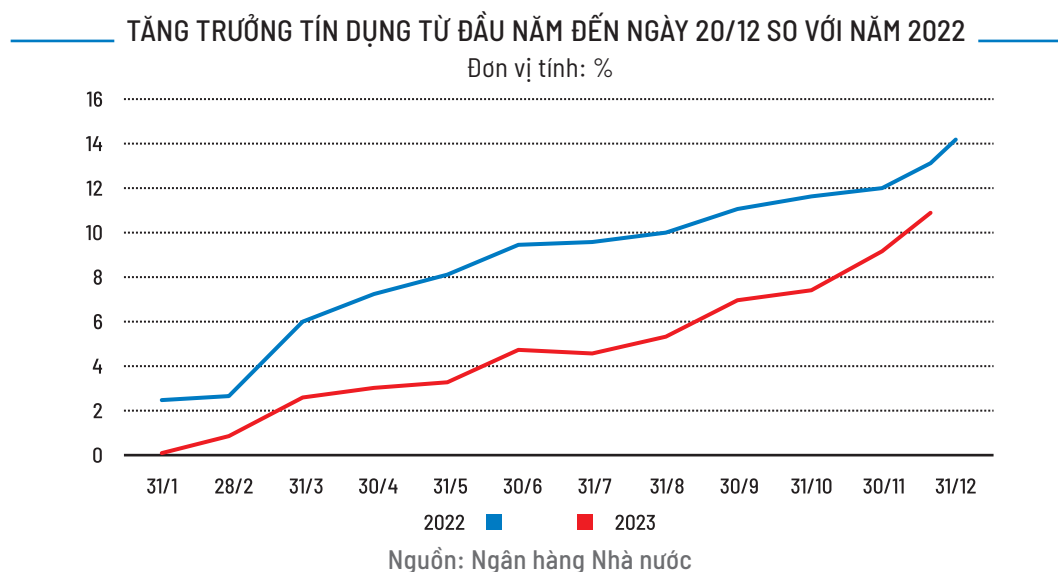
Nguồn: Tổng cục Thống kê

CPI bình quân quý IV/2023 tăng 3,54% so với quý IV/2022. Tính chung cả năm 2023, CPI tăng 3,25% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

## 1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

### 1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Tính đến ngày 20/12, tín dụng đã tăng 10,85% so với thời điểm cuối năm 2022. Chỉ trong 20 ngày đầu tháng 12, 200.000 đồng đã được bơm ra nền kinh tế, giúp tăng trưởng tín dụng nhích thêm 1,7 điểm %. Mức tăng này hiện vẫn thấp hơn so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng đã có sự cải thiện đáng kể so với tháng trước.

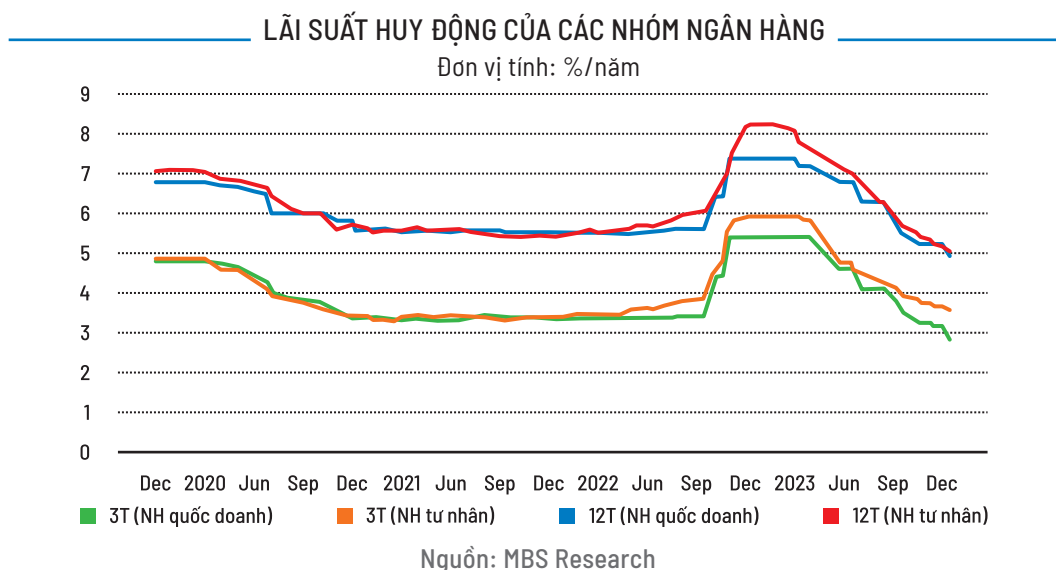


### 1.2.2. Lãi suất

Trong tháng 12, lãi suất huy động vẫn tiếp tục trên hành trình lập kỷ lục xuống thấp. Nhóm Big 4 (bao gồm 4 ngân hàng quốc doanh là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - VietinBank và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Agribank) nằm trong Top các đơn vị có lãi suất huy động thấp nhất.

Hầu hết lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các NHTM đều ở dưới mức 6%, các NHTM lớn đều đưa lãi suất này về mức xấp xỉ 5,0% - 5,25%, thấp hơn cả giai đoạn 2020 - 2021 (Covid-19). Với kỳ hạn 12 tháng, Vietcombank có lãi suất huy động thấp nhất thị trường (4,8%/năm), còn tại các ngân hàng khác như BIDV, VietinBank và Agribank cùng là 5%/năm.





### 1.2.3. Tỷ giá

Giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 24.426 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2023 giảm 0,56% so với tháng trước; tăng 1,04% so với cùng kỳ năm trước; bình quân năm 2023 tăng 1,86%.

### 1.2.4. Chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam không có nhiều diễn biến tích cực trong tháng 12. Việc khối ngoại liên tục bán ròng với giá trị lớn đã khiến dòng tiền trong nước chững lại và là lực cản chính cho sự phục hồi của các chỉ số chứng khoán.

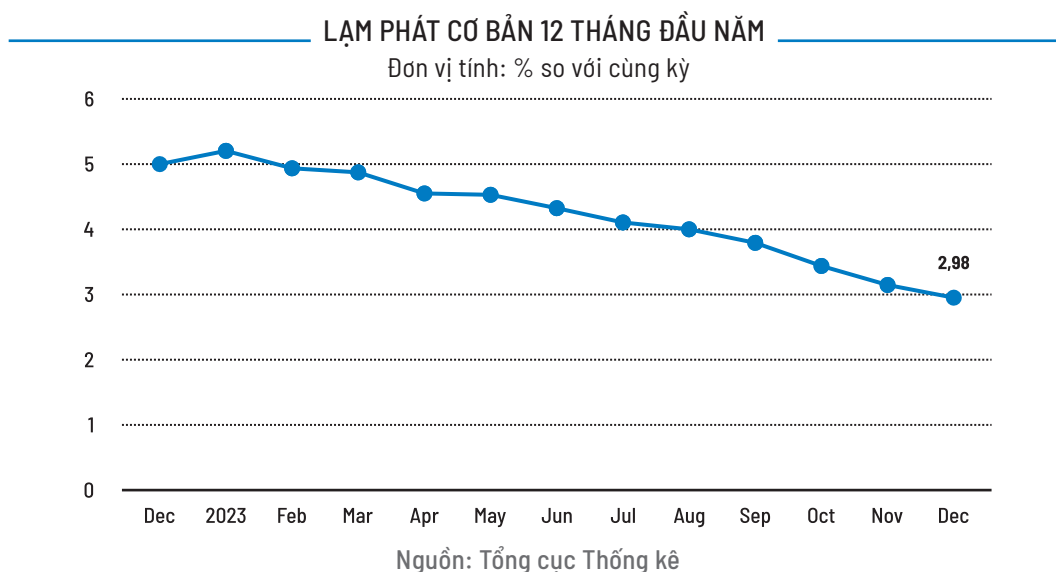
Nhóm cổ phiếu cảng biển, vận tải biển có diễn biến tăng giá mạnh, thanh khoản đột biến trước tình hình căng thẳng gia tăng ở biển Đỏ, cũng như chỉ số vận tải hàng hóa tăng mạnh, nổi bật như GMD, VOS, DVP... các cổ phiếu vận tải dầu khí cũng có diễn biến tích cực, thanh khoản gia tăng mạnh như GSP, PVT, PVP (+2,14%)...

Dự báo năm 2024, giá dầu thế giới vẫn duy trì ở mức cao và kỳ vọng Lô B đạt FID là yếu tố hỗ trợ mạnh cho cổ phiếu ngành dầu khí tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2024.

1.2.5. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 12 tăng 0,17% so với tháng trước, tăng 2,98% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân năm 2023, lạm phát cơ bản tăng 4,16% so với năm 2022, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,25%).

Nguyên nhân chủ yếu do bình quân giá xăng dầu trong nước năm 2023 giảm 11,02% so với năm trước, giá gas giảm 6,94% là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.



## 2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

### 2.1. Về chủ trương, chính sách

- *Giảm 50% thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu trong năm 2024*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 42/2023/UBTVQH15 về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn. Theo đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu, áp dụng đến hết năm 2024.

Cụ thể, mức thuế bảo vệ môi trường từ ngày 1/1/2024 đến hết ngày 31/12/2024 đối với xăng, trừ etanol là 2.000 đồng/lít; đối với nhiên liệu bay, dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn 1.000 đồng/lít; đối với mỡ nhờn là 1.000 đồng/kg; dầu hỏa 600 đồng/lít.

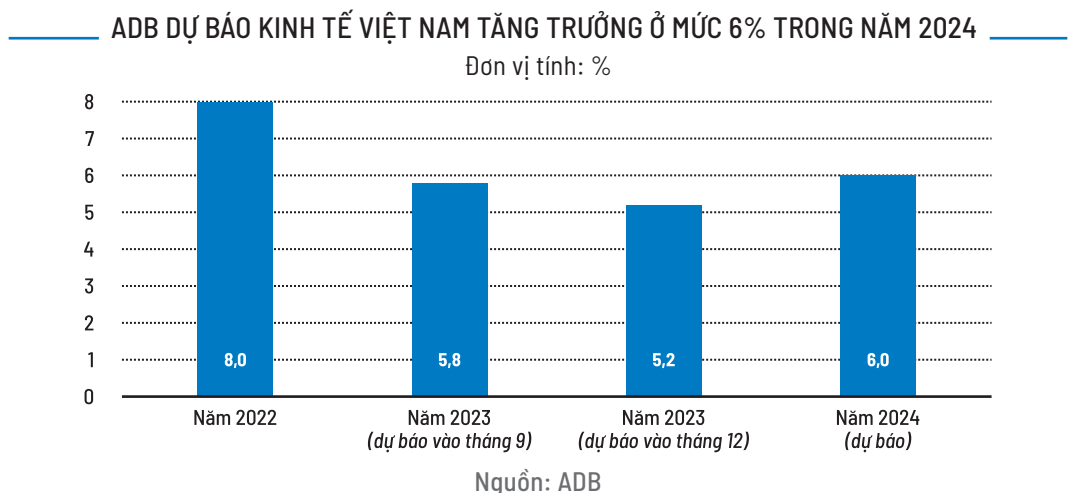
Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 1/1/2025 được thực hiện theo quy định tại Mục I khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Biểu thuế bảo vệ môi trường. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2024.

- *Bộ Công Thương đề xuất Bộ Tài chính quản lý xăng dầu dự trữ quốc gia*

Bộ Công Thương đã có đề nghị thống nhất đầu mối quản lý mặt hàng xăng dầu dự trữ quốc gia. Hiện Bộ Tài chính đang trực tiếp quản lý dự trữ quốc gia với các mặt hàng thiết yếu, dân sinh như gạo. Xăng dầu cũng là mặt hàng thiết yếu, nên Bộ Công Thương đề xuất chuyển nhiệm vụ quản lý dự trữ xăng dầu quốc gia sang Bộ Tài chính trong giai đoạn 2024-2025.

### 2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Theo Báo cáo Triển vọng Phát triển châu Á (ADO) do Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) công bố ngày 13/12, *ADB dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2024 của Việt Nam sẽ được duy trì ở mức 6%*. Ngân hàng này cũng dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2023 là 5,2% so với dự báo trước đó là 5,8%.



## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 1/2024

Ngày 6/12, trong báo cáo tại Diễn đàn Nhịp đập Kinh tế Việt Nam (VEP), Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM), đã đưa ra 3 kịch bản tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2024 từ 5,5-6,5%.

Theo đó, ở kịch bản thấp, GDP Việt Nam có thể tăng trưởng 5,5%, kịch bản cơ sở được đánh giá là kịch bản dễ xảy ra nhất, tăng trưởng GDP của Việt Nam dự báo đạt 6% và kịch bản cao là 6,5%.

Tại kỳ họp thường kỳ Chính phủ 12/2023, Thủ tướng Chính phủ đã nhận định năm 2024 là năm bút phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 và theo dự báo, nhận định, tình hình năm 2024 tiếp tục khó khăn và có thể khó khăn hơn năm 2023.

Vì vậy, các cấp, các ngành, các địa phương cần triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể năm 2024 với chủ đề: “Kỷ cương trách nhiệm, chủ động kịp thời, tăng tốc sáng tạo, hiệu quả bền vững” với tinh thần “quyết tâm cao nhất nỗ lực phấn đấu cao nhất để đạt kết quả tốt nhất trong năm 2024, Kế hoạch 5 năm 2021-2025 và Chiến lược 10 năm 2021-2030.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đề ra mục tiêu đến năm 2025, Việt Nam là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

### CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ 5 NĂM (2021-2025) VÀ 10 NĂM (2021-2031)

Chỉ tiêu	5 năm (2021-2025)	10 năm (2021-2031)
Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân (%/năm)	6,5 - 7,0	7,0
GDP bình quân đầu người (USD)	4.000 - 5.000	7.500
Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo (% GDP)	> 25	30
Tỷ trọng kinh tế số (% GDP)	20	30
Tỷ trọng đô thị hóa (%)	45	> 50
Đóng góp của TFP vào tăng trưởng (%)	45	50
Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội (%/năm)	> 6,5	> 6,5

TFP: Năng suất các nhân tố tổng hợp (là kết quả sản xuất mang lại do nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định và lao động hoặc các nhân tố hữu hình, nhờ vào tác động của các nhân tố vô hình như đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến quản lý, nâng cao trình độ lao động của công nhân...)

Nguồn: Tổng cục Thống kê



## THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

### 1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

#### 1.1. Thông tin trong kỳ

##### 1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

###### ▪ *Cung dầu mỏ:*

Nguồn cung dầu từ các nước lớn có xu hướng tăng mạnh trong tháng 12.

Mỹ đã cung cấp ra thế giới sản lượng dầu cao chưa từng có. Theo New York times, Mỹ đã sản xuất 13,2 triệu thùng dầu/ngày trong tháng 12, mức sản lượng này cao hơn 800.000 thùng so với mức sản lượng ở thời điểm đầu năm 2022.

Bên cạnh đó, xuất khẩu dầu của Nga cũng tăng mạnh, việc lọc dầu thô hằng ngày của Nga trong 20 ngày đầu tháng 12 đạt trung bình khoảng 5,57 triệu thùng/ngày, tăng gần 60.000 thùng/ngày so với hầu hết các ngày trong tháng 11.

###### ▪ *Cầu dầu mỏ:*

Tại Mỹ, Bộ Năng lượng Mỹ đã hoàn thành hợp đồng mua 3 triệu thùng dầu để bổ sung vào kho dự trữ dầu chiến lược trong tháng này.

Tại Ấn Độ, nhu cầu dầu thô tiếp tục tăng cao do các nhà máy lọc dầu nhà nước phải ngừng hoạt động để bảo dưỡng trong quý đầu tiên nhằm đáp ứng các mục tiêu sản xuất hàng năm do chính phủ ấn định.

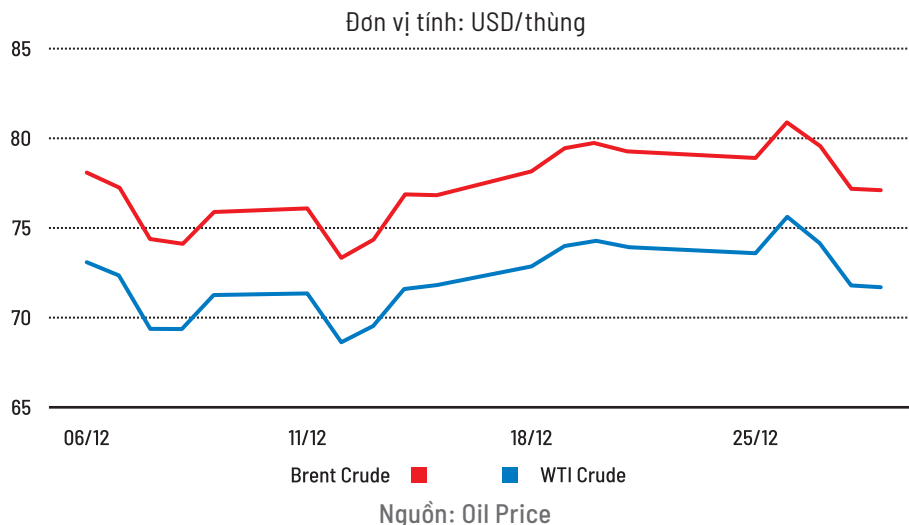
###### ▪ *Diễn biến giá:*

Trong tháng 12, giá dầu thế giới biến động tăng, giảm nhẹ đan xen.

Giá dầu Brent đạt mức cao nhất trong tháng 81,07 USD/thùng, vào ngày 27/12. Sự bật tăng này của giá dầu là do căng thẳng tại khu vực Trung Đông - Biển Đỏ vẫn không có chiều hướng giảm, làm dấy lên rủi ro về gián đoạn vận chuyển và kỳ vọng lãi suất cắt giảm có thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nhu cầu dầu.

Tuy nhiên, sau chuỗi ngày có xu hướng tăng, giá dầu thế giới đã bất ngờ đảo chiều khi giới đầu tư trở nên thận trọng hơn trước các diễn biến liên quan đến căng thẳng tại khu vực Biển Đỏ - kênh đào Suez.

DIỄN BIẾN GIÁ DẦU THÔ BRENT VÀ GIÁ DẦU THÔ WTI TRONG THÁNG 12/2023



1.1.2. Thị trường trong nước

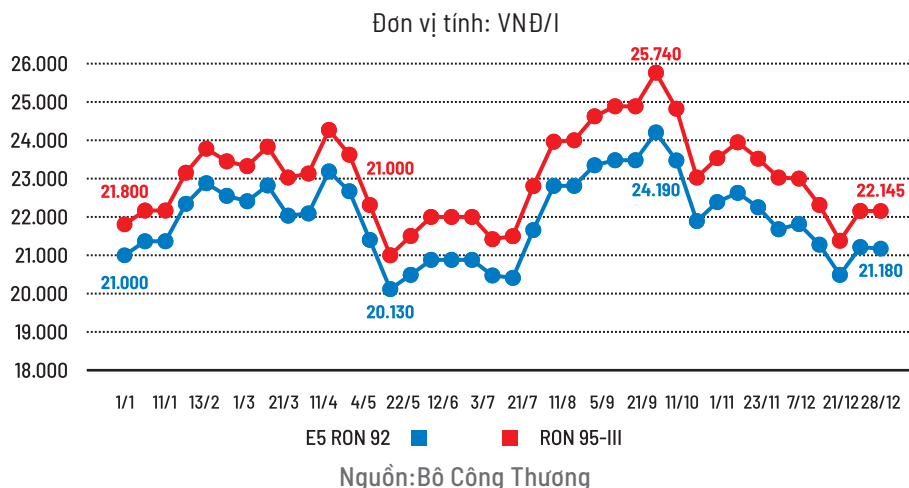
Thị trường xăng dầu trong nước đã có nhiều chuyển biến tích cực trong tháng 12.

Dự địa quỹ bình ổn giá xăng dầu của một số doanh nghiệp đầu mối tiếp tục ghi nhận mức dương lớn. Tính đến ngày 21/12, Petrolimex ghi nhận mức dương quỹ 3.050 tỷ đồng; PV Oil âm quỹ 144,32 tỷ đồng; Saigon Petro dương 327 tỷ đồng; Petimex dương 446 tỷ đồng...

Tuy nhiên, các cây xăng hay doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu đang phải chịu áp lực kép từ tình trạng chiết khấu vẫn ở mức thấp cũng như quy định xuất hóa đơn điện tử cho từng lần bán.

Trong năm nay, giá xăng đã trải qua 38 lần điều chỉnh, trong đó có 19 lần tăng, 13 lần giảm, 4 lần giữ nguyên và 2 lần trái chiều.

DIỄN BIẾN GIÁ XĂNG DẦU TRONG NƯỚC NĂM 2023



### 1.2. Dự báo

#### 1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

##### ▪ *Cung dầu mỏ:*

Ngày 14/12, Cơ quan Năng lượng quốc tế (IEA) đã điều chỉnh dự báo sản lượng cho năm 2023 tăng nhẹ lên mức 101,62 triệu thùng/ngày, tương đương mức tăng 80.000 thùng/ngày so với báo cáo trong tháng trước.

Trong khi đó, sản lượng dầu toàn cầu năm 2024 được điều chỉnh giảm mạnh còn 102,19 triệu thùng/ngày, từ mức 102,55 triệu thùng/ngày.

##### ▪ *Cầu dầu mỏ:*

Cũng trong báo cáo tháng 12, IEA dự báo nhu cầu dầu toàn cầu đang trên đà tăng 2,3 triệu thùng/ngày lên mức 101,7 triệu thùng/ngày vào năm 2023.

Năm 2024, IEA dự đoán tiêu thụ dầu toàn cầu sẽ tăng 1,1 triệu thùng/ngày, tăng 130.000 thùng/ngày so với dự báo trước đó, nhờ triển vọng nhu cầu tại Mỹ cải thiện và giá dầu giảm.

Tuy nhiên, ngày 13/12, Tổ chức các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) dự đoán nhu cầu dầu thế giới năm 2024 ở mức 2,25 triệu thùng/ngày, không thay đổi so với tháng trước, như vậy ước tính cao hơn nhiều so với dự đoán của IEA.

Về dự báo năm 2023, OPEC tái khẳng định triển vọng tăng trưởng nhu cầu dầu thế giới ở mức 2,46 triệu thùng/ngày, gần bằng với dự báo của IEA.

##### ▪ *Diễn biến giá:*

EIA đã hạ dự báo giá dầu thô Brent trung bình trong năm 2024 thêm 10 USD/thùng, xuống 83 USD/thùng so với báo cáo tháng trước.

Ngân hàng Goldman Sachs cũng đã hạ phạm vi dự báo giá dầu thô Brent vào năm 2024 thêm 10 USD/thùng, xuống còn từ 70-90 USD/thùng, do nguồn cung tại Mỹ tăng.

#### 1.2.2. Thị trường trong nước

Theo Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), từ 01/01/2024 thuế suất nhập khẩu các mặt hàng xăng từ mức 5% hiện nay sẽ giảm về 0%. Do đó các đầu mối nhập khẩu xăng dầu có thể sẽ có xu hướng nhận hàng từ các nhà máy trong nước chậm lại để chờ thời cơ có lợi nhuận tốt hơn từ việc nhập khẩu xăng, dầu.

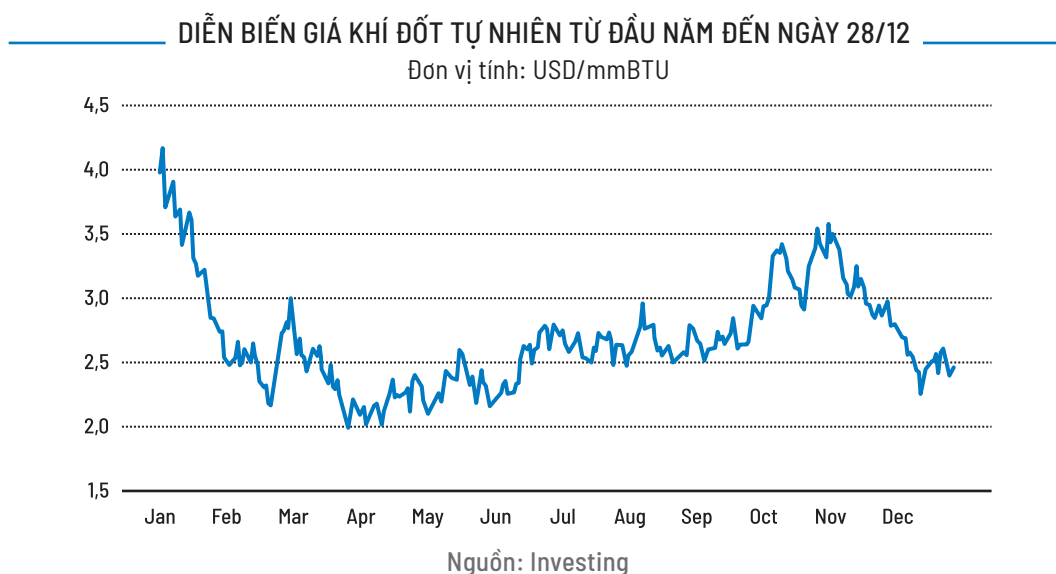
Dự báo nhu cầu sử dụng xăng dầu tiếp tục tăng cao trong năm 2024.

## 2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

### 2.1. Thông tin trong kỳ

#### 2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng 12, lượng tồn kho cao ở cả châu Á, châu Âu và nhu cầu yếu đã khiến giá khí đốt tự nhiên giảm xuống mức thấp nhất trong 4 tháng gần đây.



Tại châu Âu, các bộ trưởng năng lượng của Liên minh châu Âu (EU) đã phê duyệt kế hoạch gia hạn giới hạn khẩn cấp đối với giá khí đốt tự nhiên thêm một năm nữa cho đến cuối tháng 1 năm 2025.

Tại Mỹ, sản lượng khí đốt tự nhiên vẫn tiếp tục tăng cao trong tháng này. Theo BNEF, sản lượng khí đốt tự nhiên của 48 Tiểu bang vùng Hạ là 105,6 bcf/ngày (tăng 22,5% so với cùng kỳ).

#### 2.1.2. Thị trường trong nước

Giá gas bán lẻ trong nước tháng 12/2023 không tăng so với tháng 11 nhờ sự ổn định của giá gas trên thị trường thế giới. Đây là lần đầu tiên kể từ đầu năm tới nay, giá gas không có sự biến động.

Như vậy, năm 2023, giá gas trong nước có 5 lần giảm (tháng 1, tháng 3, tháng 4, tháng 6 và tháng 7); 6 lần tăng vào tháng 2, tháng 5, tháng 8, tháng 9, tháng 10 và tháng 11; tháng 12 không thay đổi.



## **2.2. Dự báo**

### **2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực**

Với sản lượng ở mức cao kỷ lục và lượng khí đốt dự trữ dồi dào, dự báo giá gas thế giới khó có thể tăng đột biến trong khoảng thời gian từ mùa Đông năm nay đến tháng 3/2024.

### **2.2.2. Thị trường trong nước**

Trong vài năm tới, Việt Nam có thể có thêm một số nguồn khí từ một số bể nhỏ như Kinh Ngư Trắng ở vùng biển Đông Nam Bộ vào năm 2024, cũng như Nam Du-U Minh và Khánh Mỹ ở vùng biển Tây Nam. Tuy nhiên, tổng nguồn cung của các bể khí nổi bật trong nước dự báo vẫn sẽ giảm khoảng 500 triệu m<sup>3</sup>/năm trong 2-3 năm tới. Nhờ đó, mảng LNG sẽ là nguồn bổ sung chủ yếu bù đắp cho sự sụt giảm nguồn cung trong nước những năm tới.

### 3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

#### 3.1. Thông tin trong kỳ

##### 3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

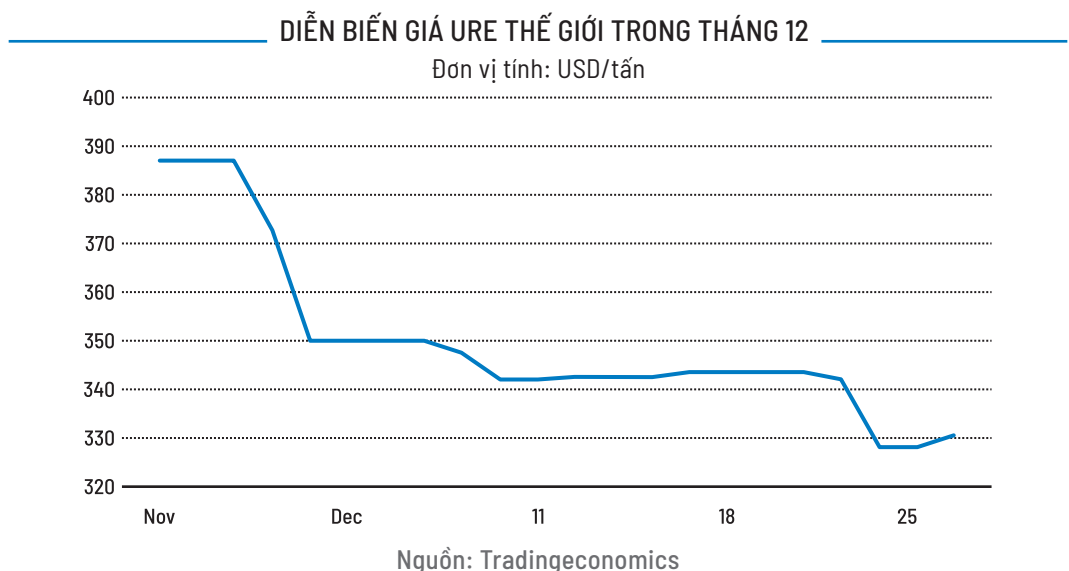
Trong tháng 12, tiêu thụ phân bón từ nông dân trên toàn cầu đang dần phục hồi. Tuy nhiên tại một số khu vực nguồn cung vẫn bị hạn chế.

Tại khu vực Trung Đông, Ai Cập vẫn duy trì việc cắt giảm vô thời hạn 30% nguồn cung khí đốt với tất cả các nhà sản xuất ure tại nước này, gây ảnh hưởng lớn đến nguồn cung.

Tại châu Á, Nga và Trung Quốc tiếp tục duy trì các biện pháp hạn chế xuất khẩu phân bón.

Bên cạnh đó, các nhà máy sản xuất ure tại Malaysia, Brunei và Indonesia vẫn đang trong quá trình bảo dưỡng.

Giá ure đã giảm mạnh trong tháng qua, giảm hơn 35% so với cùng kỳ xuống còn khoảng 330 USD/tấn, nguyên nhân do giá khí đốt tự nhiên giảm nên nguyên liệu cung cấp cho các nhà sản xuất phân bón giá cũng giảm.

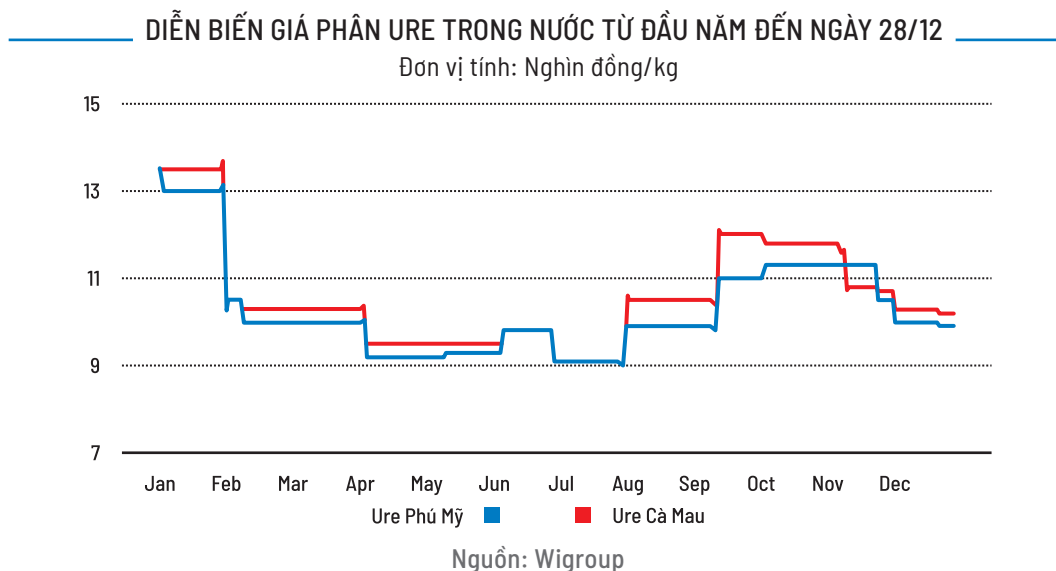


##### 3.1.2. Thị trường trong nước

Mặc dù Trung Quốc - nhà sản xuất ure lớn của thế giới vẫn duy trì hạn chế xuất khẩu nhưng nguồn cung ure từ Nga và Trung Đông rất lớn nên giá phân ure nhập khẩu tại thời điểm này giảm rõ rệt. Giá ure nhập khẩu từ Brunei, Indonesia và Trung Quốc dao động quanh mức 9.400-9.600 đồng/kg.

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 1/2024

Trong tháng 12, nhu cầu tiêu thụ phân bón tại Đồng bằng Sông Cửu Long đang tăng dần khi bước vào mùa vụ và giá các loại ure tại Việt Nam có xu hướng giảm nhưng sức mua vẫn chậm do người mua lo ngại rủi ro giá giảm tiếp.



### 3.2. Dự báo

#### 3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Theo dự báo của Hiệp hội phân bón quốc tế (IFA) giá ure thế giới dự kiến sẽ tăng trong quý I/2024. Ngoài ra, IFA dự báo tốc độ tăng trưởng tiêu thụ phân bón trên thế giới sẽ chậm lại trong trung hạn, từ mức 4% trong năm tài chính 2023 xuống 1,3% trong năm tài chính 2027.

#### 3.2.2. Thị trường trong nước

Vụ Đông Xuân năm nay bắt đầu chậm hơn các năm trước đây nên nhu cầu phân bón, nhất là phân ure dự báo sẽ tăng cao trong quý I/2024, do đó giá phân bón trong nước có thể sẽ tăng theo nhu cầu khi bước vào chính vụ.

## **4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN**

### **4.1. Thông tin trong kỳ**

#### **4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực**

Trung bình giá điện thế giới đứng ở ngưỡng 14,2 US cent/kWh (khoảng 3.450 VNĐ/kWh) cho hộ gia đình và 12,7 US cent/kWh (3.078 VNĐ/kWh) cho khối doanh nghiệp.

Tỷ trọng của than trong tổng cơ cấu sản xuất điện ở châu Âu và Bắc Mỹ có xu hướng giảm dần.

Sản lượng điện than trung bình hàng tháng ở châu Á đã tăng từ khoảng 590 TWh năm 2019 lên 686 TWh từ đầu năm đến nay, do sự tăng trưởng mạnh mẽ ở Trung Quốc, Ấn Độ và các quốc gia khác.

#### **4.1.2. Thị trường trong nước**

Trong tháng 12, sản lượng tiêu thụ điện bình quân ngày toàn hệ thống dự kiến ở mức 773,3 triệu kWh/ngày, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Giá điện sinh hoạt tháng 12 tăng 1,05% so với tháng trước do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có Quyết định số 1416/QĐ-EVN ngày 08/11/2023 về việc điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân từ ngày 09/11/2023.

### **4.2. Dự báo**

#### **4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực**

Theo Viện Kinh tế Năng lượng và Phân tích Tài chính (IEEFA), dự báo công suất nhiệt điện than sẽ tiếp tục giảm trong những năm tới.

Xu hướng phát triển điện gió và điện mặt trời thay cho điện sản xuất từ than, khí đốt... sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trên toàn thế giới vào năm 2024.

#### **4.2.2. Thị trường trong nước**

Năm 2024, dự báo các nguồn điện than, thủy điện và nguồn điện tuabin khí vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia năm 2024.

Theo dự báo của IRI (Viện nghiên cứu quốc tế), các nhà máy thủy điện sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng tiêu cực do hiện tượng El Nino kéo dài đến nửa đầu năm sau, gây ra hiện tượng khô hạn và mực nước về hồ ít hơn.



PHẦN IV

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Tình hình biến động vĩ mô từ thị trường tài chính, dầu khí và các sản phẩm dầu, phân bón do tác động của thị trường tài chính thế giới, biến động của tỷ giá, giá vàng... đã ảnh hưởng rất lớn tới đầu tư cho lĩnh vực dầu khí, năng lượng.

Để ứng phó với thách thức nói trên PVN cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, đảm bảo công tác ứng phó với các biến động khó lường của thị trường trong và ngoài nước được thực hiện một cách hiệu quả.
- Tiếp tục đẩy mạnh tiến độ triển khai xây dựng danh mục dự án điện gió ngoài khơi, báo cáo cấp có thẩm quyền, triển khai đào tạo nhân lực cho lĩnh vực này. Bên cạnh đó, chủ động hợp tác với các tập đoàn lớn trên thế giới, tiến tới tự chủ trong việc phát triển điện gió ngoài khơi.
- Tập trung hoàn thiện và lên kế hoạch thực hiện tái tạo văn hóa trong năm 2024. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, đẩy mạnh truyền thông nội bộ về văn hóa chuyển đổi số, văn hóa làm việc trên nền tảng công nghệ... chuyển hoá các giá trị văn hoá Petrovietnam vào từng công việc, hoạt động giúp nâng cao ý thức, tạo chuyển biến trong hành vi của cán bộ, công nhân viên trong toàn Tập đoàn.
- Tích cực trao đổi, đàm phán với các tổ chức tín dụng nước ngoài để thúc đẩy công tác thu xếp vốn cho chuỗi dự án Lô B và các dự án của đơn vị thành viên.
- Đầu tư nghiên cứu và phát triển phát triển các dự án năng lượng mới, như LNG, amoniac, hydro, ... và công nghiệp năng lượng cơ khí chế tạo, truyền dẫn, lưu trữ, ... nhằm đáp ứng nhu cầu năng lượng trong nước, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

# BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 1/2024

## PHỤ LỤC I

### KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 12 NĂM 2023

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 12	Cả năm 2023	Tỷ lệ so sánh (%)		
					A	B	C
1	Tăng trưởng GDP		n/a	n/a			
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a		100,1	105,8	101,5
3	Hoạt động của doanh nghiệp						
3.1	Thành lập mới	DN	13.300	217.700	92,9	123	104,5
3.2	Quay lại hoạt động	DN	6.393		97,4	104,7	
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN		172.600			120,5
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	3.802		84,3	100,7	
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	8.687		131,7	148,6	
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.866		129,3	106	
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Nghìn tỷ		3.423.500			106,2
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ					
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD		36,6			132,1
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD		23,18			103,5
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	565,8	6.231.800	102,6	109,3	109,6
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD					
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	32,91	355.500	105,7	113,1	95,6
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	30,63	327.500	103,6	112,3	91,1
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 2,28	Xuất siêu 28			
7	Chỉ số giá						
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,12	103,58	
7.2	Chỉ số giá vàng				103,98	113,13	104,16
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				99,44	101,04	101,86
7.4	Lạm phát cơ bản				100,17	102,98	104,16

A: Tháng 12/2023 so với tháng trước

B: Tháng 12/2023 so với tháng 12/2022

C: Năm 2023 so với năm 2022



Ảnh bìa: Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành nghị quyết giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu, áp dụng đến hết năm 2024.

[dantri.com.vn](http://dantri.com.vn)



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ**  
**PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO**

**VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH**  
*phối hợp thực hiện*